

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 13-8-2025.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Trường Bảo và bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2015/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 2004; Nơi cư trú: số nhà D đường số D, Xóm C, Thôn C, xã N, tỉnh Lâm Đồng; *Vắng mặt, đã có đơn xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh Trương Minh P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn G, xã N, tỉnh Lâm Đồng; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày yêu cầu và căn cứ khởi kiện như sau:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trương Minh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã N vào năm 2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng, không có tiếng nói chung trong công việc, cuộc sống hàng ngày; anh P không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con mà chỉ chơi bài bạc gây ra nhiều khoản nợ, không có khả năng chi trả. Nhiều lần vợ chồng nói chuyện với nhau để giải quyết nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thành, nên cả hai đã ly thân. Chị N

xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh P có 01 người con chung tên là Trương Minh T, sinh ngày 19/3/2024. Thời gian sống ly thân chị N trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết.

[2]. *Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Trương Minh P không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của **anh P** và cũng không tiến hành hòa giải được.*

[3]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng:*

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N; xử cho chị N được ly hôn với anh Trương Minh P; về con chung: giao cháu Trương Minh T, sinh ngày 19/3/2024 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; Về án phí: buộc chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trương Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trương Minh P và yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con

chung, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác; nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N đối với anh Trương Minh P:

[3.1]. Chị N và anh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 09/11/2023, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vì vậy, chị N có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Theo lời khai của nguyên đơn và quá trình xác minh, thấy rằng chị N với anh P chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, mâu thuẫn trong tính cách, công việc, vợ chồng thiếu sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau, nên cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc, không còn tình nghĩa vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh P vắng mặt không trình bày ý kiến trong vụ án, trong khi đó chị N không có nguyện vọng đoàn tụ. Chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị N và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thể hiện ở việc giữa vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã sống ly thân trong thời gian dài. Vì vậy, việc ly hôn theo yêu cầu của chị N đối với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: chị N và anh P có 01 người con chung tên là Trương Minh T, sinh ngày 19/3/2024. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên. Xét: cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc của người mẹ, chị N đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và anh P không trình bày ý kiến, yêu cầu về việc nuôi con. Nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[7]. Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025 theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội*).

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trương Minh P.

- Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: chị Nguyễn Thị Ngọc N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 19/3/2024 cho đến khi thành niên. Anh Trương Minh P có quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001651 ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng); sau khi khấu trừ, chị N đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn: UBND xã Nghị Đức.
- Phòng THADS khu vực 16 - Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tân